



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 138 /2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ

Về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thiết bị điện trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/09/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

Điều 1. Thuế suất thuế nhập khẩu.

Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng thiết bị điện quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này có hiệu lực và áp dụng cho các Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan sau 45 ngày kể từ ngày ký. *Truy*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG TRONG
BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

(Ban hành kèm theo Thông tư 138 /2009/TT-BTC ngày 3/7 /2009 của Bộ Tài chính)



Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
85.04				Máy và thiết bị biến điện, máy và thiết bị chuyển đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm.	
8504	10	00	00	- Chấn lưu dùng cho đèn phóng hoặc ống phóng	15
				- Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng:	
8504	21			- - Có công suất sử dụng không quá 650 kVA:	
8504	21	10	00	- - - Bộ ổn định điện áp từng nấc; máy biến áp điện dùng cho thiết bị đo lường có công suất sử dụng không quá 5 kVA	26
				- - - Loại khác:	
8504	21	91	00	- - - - Có công suất sử dụng trên 10 kVA và điện áp tối đa từ 66.000 V trở lên	26
8504	21	99	00	- - - - Loại khác	26
8504	22			- - Có công suất sử dụng trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA:	
				- - - Bộ ổn định điện áp từng nấc:	
8504	22	11	00	- - - - Điện áp tối đa từ 66.000 V trở lên	26
8504	22	19	00	- - - - Loại khác	26
				- - - Loại khác:	
8504	22	91	00	- - - - Điện áp tối đa từ 66.000 V trở lên	26
8504	22	99	00	- - - - Loại khác	26
8504	23			- - Có công suất sử dụng trên 10.000 kVA:	
8504	23	10	00	- - - Trên 10.000 kVA đến 15.000 kVA	20
				- - - Có công suất sử dụng trên 15.000 kVA:	
8504	23	21	00	- - - - Không quá 20.000 kVA	20
8504	23	29		- - - - Loại khác:	
8504	23	29	10	- - - - - Trên 20.000 kVA đến 450.000 kVA	20
8504	23	29	90	- - - - - Loại khác	5
				- Máy biến điện khác:	
8504	31			- - Có công suất sử dụng không quá 1 kVA:	
8504	31	10		- - - Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường:	
8504	31	10	10	- - - - Loại cao thế	5
8504	31	10	20	- - - - Loại trung thế	15
8504	31	10	90	- - - - Loại khác	20
8504	31	20		- - - Máy biến dòng dùng cho thiết bị đo lường:	
8504	31	20	10	- - - - Loại cao thế	5
8504	31	20	20	- - - - Máy biến dòng chân sứ 110 - 220 kV	5
8504	31	20	30	- - - - Loại trung thế	15
8504	31	20	90	- - - - Loại khác	20
8504	31	30	00	- - - Máy biến áp quét về (biến áp tần số quét ngược)	3

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
8504	31	40	00	--- Máy biến áp trung tần	5
8504	31	50	00	--- Máy biến thế tăng/giảm điện áp, biến áp trượt, bộ ổn định điện áp	20
8504	31	90		--- Loại khác:	
8504	31	90	10	---- Máy biến thế phòng nổ chiếu sáng hầm lò	0
8504	31	90	90	---- Loại khác	20
8504	32			-- Công suất sử dụng trên 1 kVA nhưng không quá 16 kVA:	
				--- Máy biến điện dùng cho thiết bị đo lường, (máy biến điện thế và máy biến dòng) loại công suất sử dụng không quá 5 kVA:	
8504	32	11		---- Biến áp thích ứng:	
8504	32	11	10	----- Máy biến thế khô phòng nổ trong hầm lò	0
8504	32	11	90	----- Loại khác	10
8504	32	19		---- Loại khác:	
8504	32	19	10	----- Máy biến thế khô phòng nổ trong hầm lò	0
8504	32	19	90	----- Loại khác	10
8504	32	20	00	--- Sử dụng cho đồ chơi, mô hình thu nhỏ hoặc các mô hình giải trí tương tự	20
8504	32	30	00	--- Loại khác, tần số cao	0
				--- Loại khác, có công suất sử dụng không quá 10 kVA:	
8504	32	41		---- Biến áp thích ứng:	
8504	32	41	10	----- Máy biến thế khô phòng nổ trong hầm lò	0
8504	32	41	90	----- Loại khác	10
8504	32	49		---- Loại khác:	
8504	32	49	10	----- Máy biến thế khô phòng nổ trong hầm lò	0
8504	32	49	90	----- Loại khác	10
				--- Loại khác, công suất sử dụng trên 10 kVA:	
8504	32	51		---- Biến áp thích ứng:	
8504	32	51	10	----- Máy biến thế khô phòng nổ trong hầm lò	0
8504	32	51	90	----- Loại khác	10
8504	32	59		---- Loại khác:	
8504	32	59	10	----- Máy biến thế khô phòng nổ trong hầm lò	0
8504	32	59	90	----- Loại khác	10
8504	33			-- Có công suất sử dụng trên 16 kVA nhưng không quá 500 kVA:	
				--- Có điện áp tối đa từ 66.000 V trở lên:	
8504	33	11		---- Biến áp thích ứng:	
8504	33	11	10	----- Máy biến thế khô, trạm biến áp khô trọn bộ di động, phòng nổ trong hầm lò	0
8504	33	11	90	----- Loại khác	20
8504	33	19		---- Loại khác:	
8504	33	19	10	----- Máy biến thế khô, trạm biến áp khô trọn bộ di động, phòng nổ trong hầm lò	0

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
8504	33	19	90	----- Loại khác	10
				--- Loại khác:	
8504	33	91		---- Biến áp thích ứng:	
8504	33	91	10	----- Máy biến thế khô, trạm biến áp khô trọn bộ di động, phòng nổ trong hầm lò	0
8504	33	91	90	----- Loại khác	10
8504	33	99		---- Loại khác:	
8504	33	99	10	----- Máy biến thế khô, trạm biến áp khô trọn bộ di động, phòng nổ trong hầm lò	0
8504	33	99	90	----- Loại khác	10
8504	34			-- Có công suất sử dụng trên 500 kVA:	
				--- Có công suất sử dụng không quá 15.000 kVA:	
				---- Có công suất sử dụng trên 10.000 kVA, và điện áp tối đa từ 66.000 V trở lên:	
8504	34	11	00	----- Biến áp thích ứng	10
8504	34	12	00	----- Loại khác	10
				---- Loại khác:	
8504	34	13	00	----- Biến áp thích ứng	10
8504	34	14	00	----- Loại khác	10
				--- Có công suất sử dụng trên 15.000 kVA:	
8504	34	21	00	---- Biến áp thích ứng	10
8504	34	29	00	---- Loại khác	10
8504	40			- Máy chuyển đổi điện tĩnh:	
				-- Dùng cho các thiết bị xử lý dữ liệu tự động và máy phụ trợ của chúng và thiết bị viễn thông:	
8504	40	11	00	--- Bộ nguồn cấp điện liên tục (UPS)	1
8504	40	19	00	--- Loại khác	0
8504	40	20	00	-- Máy nạp ắc quy, pin có công suất danh định trên 100 kVA	0
8504	40	30	00	-- Bộ chỉnh lưu khác	0
8504	40	40	00	-- Bộ nghịch lưu khác	0
8504	40	90	00	-- Loại khác	0
8504	50			- Cuộn cảm khác:	
8504	50	10	00	-- Cuộn cảm dùng cho bộ nguồn cấp điện của các thiết bị xử lý dữ liệu tự động và máy phụ trợ của chúng và thiết bị viễn thông	0
8504	50	20	00	-- Cuộn cảm cố định kiểu chip khác	0
				-- Loại khác:	
8504	50	91	00	--- Có công suất sử dụng trên 2.500 kVA nhưng không quá 10.000 kVA	0
8504	50	92	00	--- Có công suất sử dụng trên 10.000 kVA	0
8504	50	93	00	--- Có công suất sử dụng không quá 2.500 kVA	0
8504	90			- Bộ phận:	
8504	90	10	00	-- Cửa hàng hóa thuộc phân nhóm 8504.10	5

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
8504	90	20	00	-- Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho hàng hóa thuộc mã số 8504.40.11, 8504.40.19 hoặc 8504.50.10	0
				-- Dùng cho máy biến thế điện có công suất không quá 10.000 kVA:	
8504	90	31	00	--- Tấm tản nhiệt kiểu khối (panel); tản nhiệt kiểu ống có mặt cắt hình ống dẹt đã lắp ráp để phân phối và công suất biến thế	5
8504	90	39	00	--- Loại khác	5
				-- Dùng cho biến thế điện có công suất trên 10.000 kVA:	
8504	90	41	00	--- Tấm tản nhiệt; ống tản nhiệt có mặt cắt hình dẹt đã lắp ráp cho biến áp phân phối và biến áp nguồn	0
8504	90	49	00	--- Loại khác	0
8504	90	50	00	-- Loại khác, dùng cho cuộn cảm có công suất không quá 2.500 kVA	0
8504	90	60	00	-- Loại khác, dùng cho cuộn cảm có công suất trên 2.500 kVA	0
8504	90	90	00	-- Loại khác	0
85.35				Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, công tắc, cầu chì, bộ chống sét, bộ không chế điện áp, bộ triệt xung điện, phích cắm, hộp tiếp nối) dùng cho điện áp trên 1.000 V	
8535	10	00	00	- Cầu chì	0
				- Bộ ngắt mạch tự động:	
8535	21			-- Có điện áp dưới 72,5 kV:	
8535	21	10		--- Loại hộp đúc:	
8535	21	10	10	---- Loại có dòng định mức từ 400 A trở lên	3
8535	21	10	90	---- Loại khác	3
8535	21	90		--- Loại khác:	
8535	21	90	10	---- Loại có dòng định mức từ 400 A trở lên	3
8535	21	90	90	---- Loại khác	3
8535	29	00	00	-- Loại khác	3
8535	30			- Cầu dao cách ly và bộ phận đóng - ngắt điện khác:	
8535	30	10		-- Dùng cho điện áp trên 1 kV nhưng không quá 40 kV:	
8535	30	10	10	--- Dao cách ly đến 36 kV	7
8535	30	10	90	--- Loại khác	5
8535	30	20	00	-- Dùng cho điện áp từ 66 kV trở lên	5
8535	30	90	00	-- Loại khác	0
8535	40	00	00	- Bộ chống sét, bộ không chế điện áp và bộ triệt quá điện áp xung	0
8535	90			- Loại khác:	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
8535	90	10	00	-- Đầu nối bằng sứ, bộ chuyển đổi đầu nối điện, đầu nối và đầu cuối dùng để phân phối điện hoặc máy biến áp nguồn	0
8535	90	90	00	-- Loại khác	0
85.36				Thiết bị điện để ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, đui đèn, hộp tiếp nối) dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi hoặc cáp quang.	
8536	10			- Cầu chì:	
8536	10	10	00	-- Cầu chì nhiệt; cầu chì thủy tinh	28
8536	10	90	00	-- Loại khác	28
8536	20			- Bộ ngắt mạch tự động:	
8536	20	10		-- Loại hộp đúc:	
8536	20	10	10	--- Khởi động từ phòng nổ hầm lò	0
8536	20	10	20	--- Áp tô mát có dòng điện trên 1000 A	0
				--- Loại khác:	
8536	20	10	30	---- Áp tô mát có dòng điện trên 32A	10
8536	20	10	90	---- Loại khác	15
8536	20	20	00	-- Để lắp ghép với thiết bị nhiệt điện gia dụng thuộc nhóm 85.16	20
8536	20	90		-- Loại khác:	
8536	20	90	10	--- Khởi động từ phòng nổ hầm lò	0
8536	20	90	90	--- Loại khác	15
8536	30	00		- Thiết bị bảo vệ mạch điện khác:	
8536	30	00	10	-- Bộ chống sét	0
8536	30	00	20	-- Áp tô mát phòng nổ trong hầm lò	0
8536	30	00	90	-- Loại khác	28
				- Rơ-le:	
8536	41			-- Dùng cho điện áp không quá 60 V	
8536	41	00	10	--- Rơ le kỹ thuật số	3
8536	41	00	20	--- Loại khác	10
8536	49			-- Loại khác	
8536	49	00	10	--- Rơ le kỹ thuật số	3
8536	49	00	20	--- Loại khác	10
8536	50			- Cầu dao khác:	
8536	50	20	00	-- Cầu dao tự động ngắt khi có hiện tượng rò điện và quá tải	10
				-- Ngắt mạch và vành đổi chiều dùng cho lò nướng và lò sấy; công tắc micro; công tắc nguồn máy thu hình hoặc thu thanh; công tắc cho quạt điện; công tắc xoay, công tắc trượt, công tắc bập bênh và công	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				tắc từ cho máy điều hoà không khí:	
8536	50	31	00	- - - Cửa loại dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; cửa loại dùng cho quạt điện hoặc thiết bị thu thanh	15
8536	50	39	00	- - - Loại khác	15
8536	50	40	00	- - Công tắc mini dùng cho nồi cơm điện hoặc lò rán nướng	15
8536	50	50	00	- - Công tắc điện tử dùng cho mạch xoay chiều gồm mạch vào và mạch ra kết nối điều khiển bằng quang học (công tắc dùng cho mạch xoay chiều điều khiển bằng thyristor); công tắc điện tử, kể cả công tắc bảo vệ quá nhiệt điện tử gồm một tranzito và một chip logic (công nghệ chip-on-chip) dùng cho điện áp không quá 1000 V; công tắc điện cơ bật nhanh dùng cho dòng điện không quá 11 A	14
				- - Bộ phận đóng-ngắt mạch dùng trong mạng điện gia đình điện áp không quá 500 V và giới hạn dòng định danh không quá 20 A :	
8536	50	61	00	- - - Cửa loại dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A	15
8536	50	69	00	- - - Loại khác	15
				- - Loại khác:	
8536	50	91	00	- - - Thiết bị khởi động dùng cho mô tơ điện hoặc cầu chì ngắt mạch và ngắt mạch cầu chì dùng cho quạt điện	15
8536	50	99		- - - Loại khác:	
8536	50	99	10	- - - - Bóng phóng điện để lắp ghép tắc te (starter) 110V	5
8536	50	99	20	- - - - Cầu dao nhạy khói	10
8536	50	99	90	- - - - Loại khác	15
				- Đui đèn, phích cắm và ổ cắm:	
8536	61			- - Đui đèn:	
8536	61	10	00	- - - Dùng cho đèn com-pac hoặc đèn ha-lo-gien	5
8536	61	90	00	- - - Loại khác	28
8536	69			- - Loại khác:	
				- - - Phích cắm điện thoại:	
8536	69	11	00	- - - - Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A	26
8536	69	19	00	- - - - Loại khác	26
				- - - Đầu cắm tín hiệu hình/tiếng và đầu cắm đèn chân không dùng cho máy thu hình hoặc máy thu thanh:	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
8536	69	21	00	---- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho thiết bị radio	15
8536	69	29	00	---- Loại khác	15
				--- Đầu cắm và phích cắm cho cáp đồng trục và mạch in:	
8536	69	31	00	---- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho thiết bị thu thanh	14
8536	69	39	00	---- Loại khác	14
				--- Loại khác:	
8536	69	91	00	---- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho thiết bị thu thanh	26
8536	69	99	00	---- Loại khác	26
8536	70	00		- Đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang:	
8536	70	00	10	-- Bảng plastic	16
8536	70	00	20	-- Bảng đồng	5
8536	70	00	90	-- Loại khác	0
8536	90			- Thiết bị khác:	
				-- Đầu nối và các bộ phận dùng để nối cho dây dẫn và cáp; đầu dò dẹt dưới dạng miếng lát nhiều lớp (wafer prober):	
8536	90	11	00	--- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho quạt điện hoặc thiết bị thu thanh	14
8536	90	19	00	--- Loại khác	14
				-- Hộp đầu nối:	
8536	90	21	00	--- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho quạt điện hoặc thiết bị radio	20
8536	90	29	00	--- Loại khác	20
				-- Đầu nối cáp gồm một phích cắm kiểu giắc, đầu cuối có hoặc không có chốt, đầu nối và bộ thích ứng (adaptor) sử dụng cho cáp đồng trục; vành đổi chiều:	
8536	90	31	00	--- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho quạt điện hoặc thiết bị radio	20
8536	90	39	00	--- Loại khác	20
				-- Loại khác:	
8536	90	91		--- Dùng cho gia đình, có giới hạn dòng danh định không quá 16 A; dùng cho quạt điện hoặc thiết bị thu thanh:	
8536	90	91	10	---- Phiên đầu nối và khối đầu nối cáp điện thoại	15
8536	90	91	90	---- Loại khác	26
8536	90	99		--- Loại khác:	
8536	90	99	10	---- Phiên đầu nối và khối đầu nối cáp điện thoại	15

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
8536	90	99	90	---- Loại khác	26